

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 24/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 16-10-2019

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Nhật Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Thanh Hưng;

Ông Nguyễn Minh Tâm.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 174/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2019 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1996; nơi cư trú: khu phố 1A, phường C, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương; có mặt.

Bị đơn: Anh Trịnh Duy H, sinh năm 1990; nơi cư trú: ấp 3, xã T, huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim D trình bày:

Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị Kim D và anh Trịnh Duy H kết hôn từ cuối năm 2016 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 57/2017 ngày 16-5-2017. Chị D và anh H xảy ra mâu thuẫn do anh H thường xuyên uống rượu bia, la mắng và đánh Chị D. Từ tháng 11 năm 2017, Chị D và anh H sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nên Chị D yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: vợ chồng có một con chung là cháu Trịnh Thị Hồng T, sinh ngày 09-8-2017. Hiện cháu T đang sinh sống với Chị D. Khi ly hôn, Chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Chị D không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trịnh Duy H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Chị D và anh H đã phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng sống không hạnh phúc và hiện nay đã ly thân. Cháu T hiện do Chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng tốt nên có đủ căn cứ để đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị Kim D khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Trịnh Duy H. Theo biên bản xác minh ngày 13 tháng 6 năm 2019 tại Công an xã T, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương thì bị đơn anh Trịnh

Duy H có nơi cư trú tại ấp 3, xã T, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: bị đơn anh Trịnh Duy H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định pháp luật. Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh H. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim D và anh Trịnh Duy H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo Giấy Chứng nhận kết hôn số 57/2017 ngày 16-5-2017 nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bạo lực gia đình, không còn quan tâm đến nhau, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng. Từ tháng 11 năm 2017, Chị D và anh H sống ly thân cho đến nay, không quan tâm đến nhau và không có biện pháp hàn gắn cuộc sống hôn nhân. Nhận thấy tình trạng hôn nhân của Chị D, anh H phù hợp với kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T nên yêu cầu khởi kiện của Chị D xin ly hôn anh H là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị D và anh H có một con chung là cháu Trịnh Thị Hồng T, sinh ngày 09-8-2017. Chị D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T. Hiện nay, cháu T đang sống ổn định với Chị D. Chị D có công việc, thu nhập ổn định và đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con. Tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm, cháu T còn nhỏ (hai tuổi) rất cần sự quan tâm, chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ nên giao cháu T cho Chị D trực tiếp nuôi dưỡng, Chị D tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về chia tài sản chung, nợ chung: các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim D đối với bị đơn anh Trịnh Duy H về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim D và anh Trịnh Duy H.

- Về con chung: giao cháu Trịnh Thị Hồng T, sinh ngày 09 tháng 8 năm 2017 cho chị Nguyễn Thị Kim D được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị D không yêu cầu anh Trịnh Duy H phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở. Trường hợp anh H lạm dụng quyền thăm nom con để gây khó khăn, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con của chị D thì chị D có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con, chăm sóc con chung đối với anh H.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về chia tài sản chung, nợ chung: các đương sự không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Kim D phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0021048

ngày 27 tháng 5 năm 2019 Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương ;
- VKSND huyện Bàu Bàng ;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Các đương sự;
- UBND xã T, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương
(Giấy chứng nhận kết hôn số 57/2017 ngày 16-5-2017);
- Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Nhật Thanh